

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, phân cấp quản lý
hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều
kiện lao động và quan hệ lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ
trình số 137/TTr-SLĐTBXH ngày 19/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, phân cấp
quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 9 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động -
Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
Các hòa giải viên lao động tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá
nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các hòa giải viên lao động;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VX_{LĐVL93}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Đầu Thanh Tùng

QUY CHẾ

Quản lý, phân cấp quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý hòa giải viên lao động; phân cấp quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Hoà giải viên lao động trên địa bàn tỉnh;

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện).

c) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 2. Phân cấp quản lý hòa giải viên lao động

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm quản lý hòa giải viên lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác cấp tỉnh.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm quản lý hoà giải viên lao động sau:

a) Hoà giải viên lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức khác cấp huyện.

b) Hoà giải viên lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, sinh sống trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (ngoài đối tượng tại khoản 1 Điều này).

Điều 3. Phân cấp cử hòa giải viên lao động

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

Cử hòa giải viên lao động thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý theo khoản 1 Điều 2 Quy chế này thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao

động trên địa bàn tỉnh.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm:

Cử hòa giải viên lao động động thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quản lý theo khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Chương III **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG** **CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG**

Điều 4. Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động

1. Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 96 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2. Hòa giải viên lao động được tham gia các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn về giải quyết hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ của mình do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

3. Cơ quan cử hòa giải viên lao động quy định tại Điều 3 của Quy chế này này có trách nhiệm bố trí địa điểm, phương tiện làm việc, tài liệu, văn phòng phẩm và các điều kiện cần thiết khác để hòa giải viên lao động làm việc.

4. Kinh phí chi trả các chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động do ngân sách nhà nước bảo đảm. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự toán đảm bảo nhiệm vụ chi cho công tác cho hòa giải viên lao động thuộc Sở quản lý và được bố trí kinh phí hoạt động vào dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện xây dựng dự toán đảm bảo nhiệm vụ chi cho công tác cho hòa giải viên lao động thuộc Phòng quản lý và được bố trí kinh phí vào dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị.

Điều 5. Quy trình tiếp nhận, xử lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp, tranh chấp về hợp đồng lao động và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động

1. Tiếp nhận đơn

Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động được gửi đến các cơ quan, cá nhân sau:

- a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
- b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện
- c) Hòa giải viên lao động

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện sau khi tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động có trách nhiệm xem xét quyết định cử hòa giải viên lao động giải quyết theo quy định.

Trường hợp hòa giải viên lao động trực tiếp nhận đơn yêu cầu từ đối tượng đề nghị giải quyết thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn hòa giải viên lao động phải chuyển cho cơ quan quản lý hòa giải viên theo phân cấp quản lý tại Điều 2 Quy chế này để phân loại xử lý. Cơ quan quản lý hòa giải viên có trách nhiệm xem xét quyết định cử hòa giải viên lao động giải quyết theo quy định, trong đó ưu tiên cử hòa giải viên lao động nhận được đơn yêu cầu.

3. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo quyết định cử của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 6. Cử hòa giải viên lao động

1. Đối với vụ việc mà một người kiến nghị một nội dung: cơ quan quản lý hòa giải viên lao động cử 01 hòa giải viên thực hiện giải quyết vụ việc.

2. Đối với vụ việc mà nhiều người kiến nghị cùng một nội dung: cơ quan quản lý hòa giải viên lao động cử tối đa 02 hòa giải viên thực hiện giải quyết vụ việc.

3. Đối với vụ việc mà một người kiến nghị nhiều nội dung thì cơ quan quản lý hòa giải viên lao động cử tối đa 03 hòa giải viên thực hiện giải quyết vụ việc.

4. Đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài; được dư luận quan tâm, nhiều cơ quan báo chí ở Trung ương hay địa phương đưa tin; có nhiều tài liệu, các chứng cứ mâu thuẫn với nhau hoặc vụ việc có liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau thì cơ quan quản lý hòa giải viên lao động cử tối đa 05 hòa giải viên thực hiện giải quyết vụ việc.

5. Trường hợp nhiều người kiến nghị về nhiều nội dung thì trước khi cử hòa giải viên lao động cơ quan quản lý hòa giải viên lao động phải phân loại vụ việc theo tính chất, nội dung đề nghị để xem xét cử hòa giải viên lao động.

6. Đối với vụ việc có tính chất phức tạp theo báo cáo, đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét để cử hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý tham gia xử lý vụ việc nhưng tối đa không quá 02 hòa giải viên.

7. Trong quá trình xử lý vụ việc, nếu phát sinh những vấn đề phức tạp mà hòa giải viên lao động được cử không thể thực hiện được thì hòa giải viên lao động được cử xử lý vụ việc phải báo cáo cơ quan quản lý hòa giải viên lao động để cử thêm tối đa không quá 02 hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết vụ việc.

8. Việc cử hòa giải viên lao động được thực hiện bằng văn bản làm căn cứ giải quyết chế độ đối với hòa giải viên lao động.

Điều 7. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động

Hòa giải viên lao động giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 188, Điều 192 và Điều 196 của Bộ luật Lao động.

Điều 8. Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động

1. Hòa giải viên lao động đề xuất kế hoạch hoạt động hằng năm gửi cơ quan quản lý hòa giải viên lao động phê duyệt. Kế hoạch hoạt động hằng năm thể hiện các nội dung, nhiệm vụ sau:

a) Hỗ trợ người lao động, tổ chức đại diện người lao động, người sử dụng lao động đối thoại, thương lượng tập thể và tư vấn pháp luật lao động (khi có yêu cầu).

b) Tham gia xử lý các vụ đình công không đúng trình tự pháp luật theo phân công.

c) Tham gia thu thập thông tin về quan hệ lao động, phối hợp xây dựng hệ thống quản lý vụ việc hòa giải tranh chấp lao động.

2. Cơ quan quản lý hòa giải viên lao động phê duyệt kế hoạch, đơn đốc thực hiện kế hoạch.

3. Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, hòa giải viên lao động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 9. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng;

2. Chấp hành tốt quy định cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

3. Có kế hoạch hoạt động hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 8 quy chế này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành 100% nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

4. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt 80% trở lên;

5. Kết quả hòa giải thành đạt từ 70% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động.

Điều 10. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng;
2. Chấp hành tốt quy định cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
3. Có kế hoạch hoạt động hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 8 quy chế này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành 100% nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;
4. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt 70% trở lên;
5. Kết quả hòa giải thành đạt từ 60% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động.

Điều 11. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng;
2. Chấp hành tốt quy định cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
3. Có kế hoạch hoạt động hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 8 quy chế này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành 100% nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;
4. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt 60% trở lên;
5. Kết quả hòa giải thành đạt từ 50% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động.

Điều 12. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động có một trong các tiêu chí sau đây thì xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ:

1. Có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa theo đánh giá của cấp có thẩm quyền;

2. Có hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá;

3. Không chấp hành Quyết định cử tham gia hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp hợp đồng đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động;

4. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt dưới 50%;

5. Không xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 8 quy chế này hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

Điều 13. Quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

Chủ tịch Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức khác cấp tỉnh nơi hòa giải viên lao động đang công tác là thành viên.

Chủ tịch Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên thuộc thẩm quyền quản lý của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện là Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức khác cấp huyện nơi hòa giải viên lao động đang công tác là thành viên.

2. Việc đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động được thực hiện theo từng năm công tác. Quy trình tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động được thực hiện như sau:

a) Hòa giải viên lao động tự đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, gửi cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện giao Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của Phòng và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giao Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của Sở và tổng hợp chung báo cáo của các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để phân loại đánh giá hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh. Kết quả đánh giá, phân loại hòa giải viên lao động là căn cứ để khen thưởng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng hòa giải viên lao động hoặc miễn nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định.

d) Thời điểm đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động được tiến hành trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Chương V **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ HỒ SƠ**

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ với cơ quan quản lý hòa giải viên lao động như sau:

a) Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6) và hằng năm (trước ngày 15/12).

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tổng hợp, báo cáo của hòa giải viên lao động thuộc phân công quản lý, xây dựng báo cáo về tình hình hòa giải trên địa bàn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước 25/6) và hằng năm (trước 20/12).

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, xây dựng báo cáo về tình hình hòa giải của tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo định kỳ hoàn thành trước ngày 25/12 hằng năm.

Điều 15. Lưu trữ hồ sơ

1. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm lập hồ sơ về công việc được giao và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động; trước khi miễn nhiệm, hết nhiệm kỳ thì phải bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho người có trách nhiệm của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu về thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật lưu trữ.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ; tổ chức thực hiện việc lập hồ sơ, bảo quản và nộp lưu hồ sơ, tài liệu về thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật lưu trữ.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động theo quy định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; triển khai thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động theo quy định.

c) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.

d) Chủ trì, phối hợp với đơn vị chuyên môn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động trên địa bàn.

đ) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định của pháp luật.

e) Hằng năm, tổng hợp tình hình hòa giải lao động, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Tài chính

Có trách nhiệm hướng dẫn công tác tài chính, bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải và hoạt động của hòa giải viên lao động của tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Quan tâm, chỉ đạo thúc đẩy việc giải quyết tranh chấp lao động đúng quy trình, thủ tục, phát huy vai trò của hòa giải viên lao động trong giải quyết tranh chấp lao động và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn.

b) Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp bảo đảm kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho công tác hòa giải và hoạt động của hòa giải viên lao động trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

c) Quan tâm, tạo điều kiện cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thực hiện tốt công tác hòa giải và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn.

4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện

a) Thực hiện quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn cấp huyện theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

c) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.

d) Hằng năm, tổng hợp tình hình hòa giải lao động, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi hòa giải viên lao động đang công tác tạo điều kiện bố trí thời gian thích hợp để hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

6. Đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan phối hợp, cung cấp các thông tin, tài liệu về lao động, quan hệ lao động, vụ việc tranh chấp lao động theo yêu cầu của hòa giải viên lao động để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

7. Quy chế này được quán triệt và triển khai đến các hòa giải viên lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các hòa giải viên lao động phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.